



HƯƠNG ƯỚC VỚI NHỮNG LỄ NGHI CÔNG GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

ThS Nguyễn Quế Hương*, Nguyễn Ngọc Quỳnh*

Đặt vấn đề

Hương ước là một sản phẩm văn hoá độc đáo gắn liền với làng xã người Việt nói chung và vùng đồng bằng sông Hồng nói riêng. Trong hương ước có những quy định điều chỉnh một số lĩnh vực của đời sống sinh hoạt làng xã như văn hoá xã hội, kinh tế... Ngoài yếu tố pháp lý, hương ước còn thể hiện yếu tố đạo lý, văn hoá tâm linh, các yếu tố này được lồng ghép vào nhau một cách khéo léo, tạo ra sự cưỡng chế có tính thuyết phục, có sức sống dẻo dai. Tuy nhiên, bên cạnh việc tạo ra những phong tục đẹp, trong hương ước cũng còn quy định mà vô tình hay hữu ý gây nên những tục lệ cổ hủ, tạo ra sự mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày, làm ảnh hưởng đến văn hoá cộng đồng.

Hương ước người Việt vùng đồng bằng sông Hồng có ba loại, tương ứng với ba giai đoạn: giai đoạn trước cải lương hương chính (còn gọi là hương ước cũ, được viết bằng chữ Hán - Nôm), giai đoạn cải lương hương chính (được gọi là hương ước cải lương, được viết đồng thời bằng chữ quốc ngữ, Hán ngữ, hoặc Pháp ngữ) và giai đoạn sau cải lương hương chính (gọi là hương ước mới, được viết bằng chữ quốc ngữ). Tài liệu được chúng tôi sử dụng trong bài viết này là những bản hương ước cải lương (1921 - 1944) của một số làng Công giáo thuộc vùng đồng bằng sông Hồng¹.

Khảo cứu các văn bản hương ước của làng Công giáo vùng đồng bằng sông Hồng, chúng tôi thấy có những nét đặc thù so với hương ước của làng Việt. Bên cạnh những điểm tương đồng như làng Việt, nội dung của những bản hương ước

* Viện Nghiên cứu tôn giáo, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

này còn quy ước thêm về các thánh lễ, chủ yếu là các lễ trọng, và một số nội dung khác như tang chế, hôn lễ, phong hoá, đoàn kết lương - giáo hay đạo diễn (ruộng công dành cho sự phụng tự Thiên Chúa). Trong bài viết này, chúng tôi xin trình bày những lễ nghi Công giáo qua hương ước, từ đó nêu lên những giá trị nhân văn trong đời sống của người Công giáo Việt Nam.

1. Vài nét về hương ước làng và làng Công giáo vùng đồng bằng sông Hồng

Vùng đồng bằng sông Hồng là cái nôi của nền văn hoá Việt, từ lâu mang dấu ấn văn hoá Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, đến thế kỷ XVII là sự du nhập của Công giáo. Do sự hiện diện của các tôn giáo này ở vùng đồng bằng sông Hồng nên hương ước nơi đây dành một phần đáng kể quy định về thực hành nghi lễ tôn giáo. Nội dung các hương ước khu vực này phần nào phản ánh sự đa dạng trong đời sống tôn giáo ở mỗi làng quê. Việc lập ra các bản hương ước với mục đích giáo dục người dân trong làng sống có văn hoá hơn, có trách nhiệm hơn, tự điều chỉnh những hành vi của mình. Đồng thời để chỉnh sửa lại phong tục của làng cho hợp với tiến trình phát triển của xã hội thì những thói tục tốt được giữ lại, lệ tục xấu bị loại bỏ. Điều quan trọng là nếu hương ước đã được lập rồi thì quan và dân phải tuân theo ý thức, thường xuyên thực hành theo những quy định đã nêu trong hương ước. Nội dung hương ước làng bao gồm hai phần chính: *phần chính trị (hương chính)* và *phần phong tục (hương ẩm)*². Làng Công giáo được hình thành trên cơ sở của làng Việt, bởi vậy, *hương ước làng Công giáo* cũng có những quy định như hương ước của các làng Việt. Trước khi khảo cứu về các bản hương ước làng Công giáo, chúng tôi xin điểm qua vài nét về làng Công giáo vùng đồng bằng sông Hồng.

Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử Công giáo lấy năm 1533 là thời mốc đánh dấu việc truyền bá Công giáo vào Việt Nam³. Trong quá trình truyền giáo, các giáo sỹ đã lồng hệ thống tổ chức giáo hội vào trong tổ chức làng xã Việt Nam, từ đó hình thành nên các xứ đạo, họ đạo - tổ chức giáo hội Công giáo cơ sở. Theo Nguyễn Phú Lợi, quá trình hình thành xứ đạo, họ đạo diễn ra không giống nhau qua các thời kỳ. Trong giai đoạn đầu khi Công giáo mới du nhập vào Việt Nam, theo chân các nhà truyền giáo, ở một số vùng xuất hiện các “điểm giáo”. Các điểm giáo ban đầu thường ở trong các làng xã ven biển. Mỗi điểm giáo chỉ có vài ba gia đình... Khi số tín đồ đông lên mới lập ra các nhà riêng còn gọi là *nhà giáo* hay *họ giáo* để dạy kinh bốn cho tân tòng và là nơi cầu nguyện, trên cơ sở ấy, họ đạo ra đời, nhiều họ đạo lập thành một xứ đạo⁴, từ đó tạo nên làng Công giáo.

Khi đề cập đến vấn đề này, Đặng Chí San nhận xét: “Kitô giáo đến Việt Nam cũng không thể khác hơn, cách nào đó, Kitô giáo đã *rất hội nhập văn hoá*, bị hội nhập văn hoá. Ngay bất cứ khi nào được bình yên, lập tức, Kitô hữu Việt Nam liền trở về, quy tụ lại thành làng, tổ chức thành “giáo xứ làng”. Giáo hội Việt Nam là

các giáo xứ làng cộng lại. Và hơn nữa, nhiều yếu tố làng đã được củng cố chắc chắn bên bỉ hơn trong các giáo xứ làng Kitô... Đình làng đã trở thành Nhà thờ. Thành hoàng (Thần làng) trở thành vị thánh bốn mạng"⁵.

Việc tạo ra làng Công giáo (xứ đạo, họ đạo) toàn tòng của các thừa sai để lo cho tín đồ có điều kiện giữ đạo, nhưng quan trọng hơn chính là muốn tạo những đơn nguyên Công giáo. Sau cùng, nếu có điều kiện thì sẽ Công giáo hoá Việt Nam, biến làng Việt thành một công xã riêng. Về vấn đề này, Trần Tam Tỉnh viết: "Ngoại trừ các cụm nhà thành thị, dân chúng sống lẫn lộn, người Công giáo thường tập trung lại thành làng xóm riêng, tách rời khỏi người lương, sống chen chúc quanh tháp nhà thờ xây theo kiểu Tây, chọc lên trời, cao vượt khỏi lũy tre. Bị đóng khung và được đoàn ngũ hoá bởi hàng giáo sỹ, họ trở thành một lực lượng quần chúng, một lực lượng đáng ghê sợ khi Cha xứ kêu họ đứng lên bảo vệ đức tin, bảo vệ nhà thờ. Hệ thống ốc đảo đó tách biệt và cô lập phần lớn giáo dân khỏi liên hệ với đồng bào, thúc đẩy họ từ khước, tẩy chay bất cứ điều gì không được Giáo hội chính thức phê chuẩn"⁶.

Như vậy, *làng Công giáo* là sản phẩm của quá trình truyền bá Công giáo vào Việt Nam. Loại hình sản phẩm này mang trên mình hai yếu tố: *yếu tố làng Việt* và *yếu tố tôn giáo*. Yếu tố làng Việt bao hàm thiết chế chính trị, kinh tế, văn hoá. Yếu tố tôn giáo chính là đạo Công giáo và kèm theo nó là văn hoá Phương Tây, nhưng ít nhiều được cải biên, vay mượn văn hoá làng Việt cho phù hợp với tâm thức người Việt⁷. Làng Công giáo có hai loại: *làng Công giáo toàn tòng* (chỉ có giáo dân) và *làng lương - giáo* (cả dân lương và dân giáo, dân gian quen gọi là *làng xôi đỗ*).

Những lễ nghi Công giáo mà bài viết đề cập được phản ánh trong phần thứ hai - *huong ẩm* - của các văn bản hương ước làng Công giáo đó là các lễ nghi được diễn ra trong năm, trong đó việc phụng sự Thiên Chúa trong đời sống hằng ngày của giáo dân là quan trọng nhất.

Hương ước làng Công giáo có nội dung phản ánh hệ thống thờ tự, phụng sự của người dân trong hệ thống làng Công giáo. Theo đó, có thể thấy, việc tôn thờ các vị thánh thần của từng làng Công giáo nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của cộng đồng, đồng thời đáp ứng mục đích về kinh tế - xã hội của các tổ chức thiết chế đó thông qua các ngày lễ của làng. Đó là sự hoà nhập giữa lối sống của người Việt và lối sống của người Công giáo, giữa truyền thống và hiện đại trong làng quê Việt Nam, tuy hai mà một. Mặc dù sống chung một làng, nhưng các lễ nghi thờ tự hay phụng sự của bên nào, bên ấy chuẩn bị, tất cả được quy định rõ trong hương ước làng. Ví dụ, từ Điều 119 đến Điều 124, *Hương ước làng Thượng Lao* (Nam Định) quy định: "Làng ta có 6 biểu, 5 biểu giáo và 1 biểu lương... giáo dân thì có nhà thờ riêng của giáo mà lương thì có đền. Đền về làng lương thời tộc biểu lương làm thủ từ, còn nhà thờ của giáo thì đã có trùm tộc của giáo trông coi. Đến

như sóc vọng ở đền thờ biểu lương sửa lễ... dân đi giáo có các ngày lễ theo lịch tây và lịch đạo"⁸.

Trong hơn 40 bản hương ước làng Công giáo mà chúng tôi tìm hiểu, số hương ước làng Công giáo toàn tòng chiếm số lượng không nhiều (16 bản). Tuy nhiên, không phải văn bản hương ước nào cũng quy định cụ thể về đời sống tôn giáo của Công giáo. Trong 16 bản hương ước làng Công giáo toàn tòng, chỉ có hương ước làng Hạ Linh (Nam Định) không đề cập số lượng ngày lễ trong năm mà chỉ ghi: "Làng ta toàn tòng giáo, vậy các sự tế lễ thuộc đức linh mục làm cả"⁹.

Như vậy, có thể thấy, nội dung hương ước các làng Công giáo vùng đồng bằng sông Hồng, nhất là những quy ước trong phần hương ẩm, đều dựa theo những tục lệ riêng để vừa phù hợp với lệ làng, vừa phản ánh được đời sống tôn giáo của tín đồ. Theo Nguyễn Hồng Dương, khoảng giữa thế kỷ XIX, nhà Nguyễn áp dụng chính sách cấm đạo. Dưới thời Tự Đức, một trong những biện pháp để thực hiện chính sách đó là phân tách giáo dân vào các làng lương nhằm xoá bỏ làng Công giáo và quản thúc người Công giáo. Đây là thời kỳ các làng Công giáo bị xé lẻ và pha trộn vào các làng lương. Do vậy, hương ước các làng xã được lập vào thời kỳ này không thấy đề cập các nội dung liên quan đến Công giáo... Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, những làng Công giáo mới được hình thành và hương ước của các làng đó mới có nội dung đặc thù của Công giáo¹⁰.

2. Các lễ nghi Công giáo qua hương ước

Khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, mỗi làng Công giáo đều thực hiện những lễ chính (lễ trọng) sau đây: Lễ Sinh nhật (Lễ Nô-en), Lễ Phục sinh, Lễ Đức Chúa Giêsu lên trời và Lễ Đức Chúa Thánh Thần hiện xuống (đương thời, nhiều hương ước ghi là Lễ Đức Chúa Phiritô-sang-tô hiện xuống). Đó là 4 ngày lễ liên quan đến Thiên Chúa Ba Ngôi được Kitô hữu gọi là *Tứ Quý*. Về sau, người ta đưa thêm Lễ Đức Bà hồn và xác lên trời gọi là *Ngũ Quý*¹¹. Theo Nguyễn Thanh Xuân, người Công giáo Việt Nam thực hành 6 lễ trọng trong năm: 5 ngày lễ trọng kể trên và Lễ Các Thánh, diễn ra vào ngày 1/11. Sáu lễ trọng và lễ chủ nhật hằng tuần là các "lễ buộc" đối với tất cả tín đồ Công giáo¹².

Ngoài các ngày lễ chính, người Công giáo còn thực hiện một số ngày lễ khác như Lễ Santi, Lễ Rosario, Lễ Các Thánh kỳ hồn, Lễ Ba vua, Lễ Thánh Quan thầy, Lễ Đức Thánh Mẫu - Mẹ Maria, Lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, Lễ Tiến hoa (Rước hoa), Lễ Tiên nhân... Các lễ nghi cũng được chia thành từng tháng, từng mùa trong năm: tháng 3 Kính Thánh Giuse, tháng 5 là Tháng hoa Đức Mẹ Maria, tháng 6 Kính Trái tim Chúa Giêsu, tháng 8 có Lễ Đức Bà Maria hồn và xác lên trời, tháng 10 là tháng Mân Côi Đức Mẹ, tháng 11 Lễ Các Thánh, tháng 4 Lễ Phục sinh.

Những thánh lễ trên được tổ chức vào ba mùa sinh hoạt chính trong năm: Mùa chay, Mùa vọng, Mùa thường niên. Mùa chay (còn gọi là Mùa thương khó) từ Lễ Tro đến Lễ Thứ 5 Tuần Thánh. Mùa vọng từ ngày 30/11 đến Lễ Giáng sinh (ngày 25/12). Đây cũng là thời điểm kết thúc một mùa phụng vụ, bắt đầu năm phụng vụ mới. Mùa thường niên là những thời gian còn lại trong năm¹³.

Xung tội, chịu lễ là việc làm bắt buộc đối với tín đồ Công giáo. Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, hương ước làng Công giáo có những điều mục quy định về việc làng tổ chức cho giáo dân thực hiện việc xung tội và chịu phép Minh Thánh Chúa (chịu lễ) được gọi là *kỳ làm phúc* hay *tuần làm phúc*. Hương ước một số làng Công giáo có ghi chép về hoạt động này. Chẳng hạn, *Hương ước làng Vĩnh Trụ* (Hà Nam), Điều 8, ghi: "Lễ ở nhà thờ, tháng 2 và tháng 8, các đấng về làm phúc cho họ đạo. Hai kỳ này chi tiêu sắm sửa ở nhà thờ cộng là 33đ,00. Việc này do người trưởng giáp liệu tiền công quỹ ra mà tiêu"¹⁴.

Lễ hội làng ở các làng Công giáo thường được tổ chức vào ngày lễ Thánh Quan thầy, Nguyễn Hồng Dương cho rằng: "Lễ kỷ niệm thánh quan thầy xứ đạo - Một hình thức hội làng Công giáo"¹⁵. Hương ước nhiều làng Công giáo quy định những ngày lễ quan thầy là ngày lễ trọng của làng. Ví dụ, Điều 94, *hương ước ấp Thuỷ Nhai* (Nam Định) quy định: "Hàng năm cứ ngày 12 tháng 9 tây lại mở Lễ Thánh Quan Thầy long trọng thì phải phí tổn và tiền lễ thì làng sự số công liệu trích tiền công quỹ là 30đ,00 để chi phí việc lễ ấy cho long trọng. Và làng có lệ mồng 2 tháng Giêng ta có lệ Nguyễn đán khai cỗ thì đã có số công tiêu hàng xã dự"¹⁶.

Ngoài các lễ trên ra, các làng Công giáo còn tổ chức những ngày lễ khác như Lễ Hạ điền (còn gọi là Lễ Cầu mùa), Lễ Nguyễn đán, Lễ Tiên nhân để cầu mong mùa màng bội thu.

Lễ Hạ điền, *Hương ước làng Mỹ Đình* (Thái Bình), Điều 28, ghi rõ: "Hàng năm cứ đến ngày 29 Juin (tháng 6), đồng dân tề tựu tại nhà thờ xem lễ cầu nguyện cho được mùa rồi bắt đầu cấy tục gọi là hạ điền"¹⁷.

Nghi lễ đón Tết Nguyên đán của Công giáo Việt Nam cũng mang những nét đặc thù. Trong một Thư chung gửi bốn đạo Địa phận Tây Đàng Ngoài (trong đó có Hà Nội) ngày 8/5/1805, Giám mục Địa phận có đề cập đến ngày Tết Nguyên đán của giáo dân. Nội dung Thư chung cho biết, ngày tết là dịp anh em họ hàng đi thăm nhau, mừng tuổi nhau, ăn uống cùng nhau. Đây là những phong tục tốt lành. Do vậy, với giáo dân, việc thảo kính cha mẹ tổ tiên và sinh ích cho linh hồn người là những việc làm phúc đức... ở Địa phận Phát Diệm, xứ đạo Lưu Phương đón ba ngày tết với nội dung: mừng một cầu cho Đức Chúa Cha, mừng hai cầu cho Đức Chúa Con và Chúa Thánh Thần, mừng ba cầu cho ông bà tổ tiên¹⁸. Điều 119, *Hương ước làng Phú Nhai* (Nam Định) còn quy định: "Làng ta có dụ trong số

công tiêu về các tết Nguyên đán, Thường tân, Đoan ngo, mỗi tiết là 5đ,00 để sửa lễ, huynh thú thưởng tiết"¹⁹.

Lễ Tiên nhân (cầu cho những người lập làng), *Hương ước làng Lưu Phương (Ninh Bình)*, Điều 72, quy định: "Giáo dân Thánh điện ba toà các tiết lễ xin kê : Lễ Phục sinh, Lễ Santi, Lễ tiên nhân, Lễ Thánh sử ba họ..."²⁰. Hoặc *Hương ước làng Vĩnh Trị (Nam Định)* quy định trong Điều 26 như sau: "Làng toàn Công giáo có một ngôi nhà thờ và 4 nhà nguyện của 4 giáp... Tại nhà thờ chính: Lễ cầu cho tiên nhân làng, 3đ,00, Lễ Thánh Quan thầy, 3đ,00"²¹.

3. Thực hành các lễ nghi Công giáo qua hương ước

Đời sống tôn giáo của tín đồ Công giáo Việt Nam được hình thành trong lịch sử, nó vừa mang đặc điểm chung do Công giáo La Mã quy định, vừa có những đặc thù do lịch sử, văn hoá, phong tục mỗi vùng quê tạo thành. Theo giáo lý Công giáo, sống đạo không chỉ đơn giản chuyên chăm nguyện ngẫm, lĩnh nhận bí tích, ăn chay, hãm mình, rước sách,... mà còn phải phấn đấu theo lẽ sống bác ái. Hiến chế Mục vụ quy định: "Lấy việc làm để thường xuyên nuôi mình, nuôi gia đình, công tác và phục vụ anh em đồng loại, đó chính là sống đức ái và cộng tác để hoàn thành công cuộc sáng tạo của Thiên Chúa"²². Như vậy, sống đạo của người Công giáo phải thể hiện bằng việc làm, bằng hành động của mỗi giáo dân trong đời sống hằng ngày.

Việc thực hành các lễ nghi trong cộng đồng người Việt Công giáo vùng Đồng bằng sông Hồng có sự khác nhau tùy theo từng làng. Trong những ngày thánh lễ, tùy theo vị thánh được phụng thờ, mỗi làng có những cách tổ chức cho phù hợp với lệ làng đó. Ngoài việc phụng thờ các vị thánh, các ngày lễ cũng là dịp để cho giáo dân trong làng tổ chức ăn uống, họp mặt chia sẻ những kinh nghiệm sống. Bởi thế, chi phí cho những ngày lễ được quy định cụ thể trong các bản hương ước:

Điều 76, *Hương ước làng Hoà Mạc (Hà Nam)* viết: "... Dân bên giáo lệ 3/12 có lễ Thánh Quan thầy, làm lễ ở thánh đường rồi về nhà giáp trưởng, kỳ tế ấy 7đ,00. Lễ 15/8 có lệ Tư văn mừng lễ Phục sinh làm lễ ở thánh đường rồi về nhà giáp trưởng, kỳ tế ấy 7đ,00... Lễ 11/5 thôn Duệ Cát có lệ mừng Quan thầy xin làm lễ ở thánh đường rồi về nhà giáp trưởng, biện lễ ước 5đ,00. Lễ 15/8 thôn Duệ Cát có lệ Tư văn mừng lễ xin làm lễ ở thánh đường rồi về nhà văn trưởng, kỳ ấy biện 5đ,00"²³.

Có những làng, đối tượng thờ phụng chính là Đức Mẹ Maria, còn được gọi bằng Đức Thánh Mẫu, Thánh Mẫu Phương Danh... Khoản 19, *Hương ước ấp Sa Châu (Nam Định)*, viết: "Làng ta có 2 ngôi nhà thờ, 2 đền thờ ấy để thờ đức Thánh Mẫu. Hai đền thờ ấy theo tục làng đến ngày kính Thánh Mẫu bổ mỗi đình 0đ,10

xin lễ và dâng nến. Các ngày chủ nhật ai cũng phải đi châu lễ. Hằng năm cứ đến ngày kính Thánh Mẫu rước cụ về làm lễ tại đền thờ ấy"²⁴. *Hương ước làng Ninh Phú* (Hà Nam) ghi: "Dân làng toàn tòng Công giáo nên không có sự tế tự gì, chỉ có rước Thánh Mẫu Phương Danh là kỳ tháng 3 tây, tháng 5 tây, và tháng 9 tây, nhưng không phải mua lễ vật gì, chỉ rước xong thời thôi không có ăn uống. Đệ niên đến ngày lễ Phục sinh thì đem hương ước ra đọc"²⁵.

Một số làng họ đạo đầu xứ thường chia thành các khu đạo, mỗi khu phụng thờ một Thánh Quan thầy. Điều 92, *Hương ước làng Nam Am* (Hải Phòng) viết: "... Dân có 4 khu, năm nào mỗi khu cũng có một ngày lễ kính Quan thầy riêng của từng khu: Khu Đông, Kính lễ Ông thánh Giacôbê; Khu Nam, Kính lễ Ông thánh Gioan; Khu Trung, Kính lễ Bà thánh Philome; Khu Đoài, Kính lễ Bà thánh Anna. Các ngày lễ kính này đều theo lịch Công giáo, những khu nào đến ngày lễ quan thầy mình, thì đều có gọi nhau trong một khu, mỗi xuất 0đ,50 hoặc 0đ,30 tùy theo nhiều ít lấy tiền mua nến, pháo và cùng nhau ăn uống một bữa trong ngày lễ ấy để bàn về việc lễ, các lễ này cho mỗi khu một ngày thôi"²⁶.

Việc thực hiện các lễ nghi Công giáo cũng được quy định chi tiết trong hương ước các làng để giáo dục tính tổ chức, kỷ luật ở những nơi trang nghiêm. Mỗi người sẽ phải hoàn thành những phần việc đã được Hội đồng cất cử. Những ai không hoàn thành nhiệm vụ được giao, Hội đồng sẽ phạt. Tiền phạt sẽ được xung vào công quỹ. Từ Điều 125 đến Điều 127, *Hương ước làng Thượng Lao* (Nam Định) nói rõ: "Đệ niên những ngày lễ ở nhà thờ thời trùm trường phải trông coi xếp đặt còn hương lý thời phải giữ cho nghiêm trang phép tắc... Trong khi hội họp kính lễ ở nhà thờ ai cũng phải chỉnh đốn và giữ trật tự, không ai được to tiếng nói càn, đứng ngồi phải cho nghiêm trang. Ai không tuân hương hội phạt từ 0đ,30 đến 1đ,00. Giáo dân chỉ có sắm trâu, nến để kính lễ bái thôi chứ không có gì cả"²⁷. Điều thứ 76, *Hương ước làng Văn Giáo* (Nam Định) quy định: "Xã ta là phận giáo cả, mỗi năm kính Thánh sư cùng các tuần lễ trọng. Trong làng từ chánh hương hội trở xuống, xã trưởng tuân trở lên, đông dân đã cất hành lễ, mỗi người đều mặc áo lam dài hạng tốt, cùng quần áo thường cho được sạch sẽ để tránh quan chiêm, nếu không có duyên có gì tự tiện thiếu mặt, cùng quần áo không được như ước, phải phạt mỗi viên 0đ50, sung vào công quỹ, còn dân phu và đông dân đã cất ứng dịch, tự tiện khiếm phế phạt mỗi tên 0đ,20 sung vào công quỹ"²⁸.

Lễ vật dâng cúng trong các thánh lễ ở một số làng lương - giáo thường là xôi, lợn,... đó là những sản phẩm thanh tao nhưng cũng đầy giản dị của người nông dân Đồng bằng sông Hồng, có thể thấy qua *Hương ước làng Tứ Mặc* (Nam Định), Điều 120 quy định: "... Thôn Lạc Giáo thờ thánh đường hàng xã có để 5 mẫu, 1 sào, 11 thước ở xứ Kỳ điền để thôn ấy phát dong lấy tiền mua nến, sáp cùng sửa chữa thánh đường, còn 2 sào 11 thước lệ điền của hàng xã chia về để lệ lễ kính danh Đức Bà do hàng thôn phát dong lấy tiền mua lợn, xôi mừng lệ ngày 12/9; và

ngày 24, 25 tháng 12 có lệ hàng giáp do bô lão thôn ấy trừ liệu xôi, lợn cùng lệ, còn như quan, hôn, tang, tế thì thôn ấy phân biệt tất cả"²⁹. Còn đối với các làng Công giáo toàn tông, lễ vật thường chỉ là dẫu, nển.

Chi phí và phẩm vật dùng trong thánh lễ của các làng Công giáo thường lấy từ hoa lợi của đạo điền - *ruộng đất công dành cho phụng sự*. Nếu làng nào không có đạo điền thì việc biện lễ sẽ bỏ về các giáp, họ đạo, hoặc lấy từ công quỹ. Ví dụ, Mục 9, *Hương ước làng Xuân Hoà* (Hải Phòng) quy ước: "Lệ làng còn có 4 mẫu ruộng công cộng ở nhà giáo đường cây cây để lấy hoa lợi mà chi tiêu ở trong nhà giáo quanh năm không phải bỏ bán gì nữa"³⁰. Điều 126, *Hương ước làng Ngọc Cục* (Nam Định) lại quy định: "Để hai mẫu ruộng Phật tự giao ông Sư nhận đền hương và lương cả năm... Lại để ra 2 mẫu cho ông Cự nhận chi lương ăn cả năm và hai mẫu đem đấu giá để chi các lễ trong một năm ở hai nhà thờ"³¹.

Rõ ràng, những quy định trong hương ước Công giáo vùng Đồng bằng sông Hồng về việc thực hành các lễ nghi đã tạo ra lệ thói, mỗi giáo dân theo đó tự giác thực hiện theo một trật tự nhất định. Việc tham gia các hoạt động này là nghĩa vụ và trách nhiệm vừa của từng cá nhân vừa của từng gia đình, dòng họ. Điều này phản ánh truyền thống cố kết làng xã lâu đời, thể hiện trên trục gia đình - làng xã - nhà nước, là niềm tự hào của dân tộc.

4. Văn hoá truyền thống của người Công giáo

Ngoài việc thực hiện các nghi lễ tôn giáo, việc giữ gìn một số nội dung của văn hoá truyền thống như *hôn lễ, tang lễ, phong hoá, và đoàn kết lương - giáo,...* cũng rất quan trọng đối với cộng đồng giáo dân. Dựa vào những điều khoản quy định trong hương ước, mỗi giáo dân sẽ tự điều chỉnh hành vi đạo đức của mình. Điều đó tạo nếp sống phong hoá trong mỗi làng Công giáo vùng Đồng bằng sông Hồng.

4.1. Vấn đề hôn nhân

Người Công giáo đề cao hôn nhân một vợ một chồng. Bởi vậy, Hôn phối trở thành một Bí tích của Công giáo. Đây là Bí tích thứ bảy trong 7 phép Bí tích mà Giáo luật đã quy định: "Bí tích Hôn phối là sự nhìn nhận của Thiên Chúa đối với việc chung sống đến trọn đời của một người nam và một người nữ đã chịu phép Rửa tội. Bí tích Hôn phối làm tăng cường tính duy nhất và bền vững trong hôn nhân và quan hệ gia đình của tín đồ đạo Công giáo"³².

Nét đặc thù trong hương ước làng Công giáo về vấn đề hôn nhân là quy định mỗi giáo dân chỉ được phép lấy một vợ, hoặc một chồng, đặc biệt lệ tục chú rể đi lễ nhà thờ. Điều 14, 15, *Hương ước làng Đông Xuyên Ngoại* (Hải Phòng) quy định: "Việc tiền cheo khi giai, gái trong làng lấy nhau phải nộp 1đ,00. Cheo ngoại phải nộp 3đ,00 phải có trâu cau tường trình huynh thứ. Việc cưới xin do đạo Công giáo

quy định: Trước hết đó là tín đồ theo giáo luật chỉ được phép lấy một vợ một chồng³³. Điều 103, *Hương ước làng Vĩnh Trị* (Nam Định) ghi rõ: "Làng toàn tòng Công giáo chỉ được phép nhất phu, nhất phụ thôi. Vậy ai còn vợ cả mà lấy vợ hai thì làng không ăn ngôi với nữa để khỏi làm gương xấu cho kẻ khác"³⁴. Điều 67, *Hương ước làng Nam Am* (Hải Phòng) chỉ rõ: "... Lại dân toàn tòng theo luật tôn giáo không được phép lấy vợ lẽ, ai phạm đến cũng như tội thông dâm, nếu có con thì đưa con ấy cũng như con ngoại tình. Con ngoại tình, con vợ lẽ là con giai khi đến tuổi nhập bạ thì phải nộp phạt cho làng là 5đ,00"³⁵. Những quy định này đều muốn nâng cao trách nhiệm của người vợ cũng như người chồng nhằm duy trì sự bền vững của cuộc sống gia đình.

Một số quy định về hôn nhân trong hương ước làng Công giáo vùng Đồng bằng sông Hồng phản ánh rõ sự điều chỉnh theo xu thế giảm những nghi lễ rườm rà, thực hành tiết kiệm cho giáo dân. Điều 63, *Hương ước làng Đức Trai* (Hải Dương) quy định: "Cưới xin ngày trước có 6 lễ nhiều, nay chỉ theo có 3 lễ như sau: Lễ vấn danh, hay thường gọi là lễ dạm vợ, lễ này lần đầu tiên mà hai bên cha mẹ hội kiến để nói chuyện và để so sánh tên tuổi, ngày sinh tháng đẻ của các con mà định cuộc hôn nhân duyên của đôi trẻ. Lễ vật thì hoặc chè, cau, bánh trái đáng giá độ vài ba đồng. Lễ ăn hỏi, hôm này thì nhà giai, cha chú rể cùng bà con sinh lễ sang nhà gái. Hôm đó chú rể đi lễ nhà thờ cùng là ra mắt họ hàng nhà vợ. Hai bên thông gia định ngày cưới, và thách cưới, lễ vật thì tùy theo từng nhà giàu, nghèo như đáng giá độ 3đ,00 đến 20đ,00. Lễ cưới, hôm đó chú rể đi cùng ông thân sinh và cùng bà con sinh lễ vật cùng tiên xong, sang nhà gái đón dâu. Bên nhà gái cũng cho bà con đưa dâu về nhà chồng. Lễ vật tiền nong thì tùy theo từng nhà giàu, nghèo như giá tất cả đáng độ 10đ,00 hay 30đ,00 chi đó... Hai bên thông gia lại còn phải theo lệ luật mà khai giá thú cho con với thư ký hộ tịch"³⁶.

4.2. Vấn đề tang lễ

Công giáo quan niệm, con người do Chúa Trời sinh ra, mỗi con người là một ngôi đền thánh thờ phụng Chúa. Với người Công giáo, chết nơi trần thế lại là sự bắt đầu của một đời sống mới nơi Thiên Đàng. Đối với người Công giáo qua đời, bên cạnh các nghi lễ của người Việt truyền thống, còn có những điểm khác biệt³⁷.

Hương ước các làng Công giáo có những quy định chung về tang lễ như việc khai báo người chết với quan lại, thời hạn tống táng đối với người chết thường và chết bệnh,... Bên cạnh đó, nội dung hương ước cũng có những quy ước cụ thể phù hợp với từng hạng giáo dân. Tại các Điều 69 đến Điều 71, *Hương ước làng Đức Trai* (Hải Dương) ghi rõ: "Những tang gia thì được tùy ý làm cỗ bàn đãi thân bằng cố hữu đến đưa đám hay thăm viếng, chứ không ai cấm đoán bắt buộc gì cả. Kỳ lý hoặc dân làng, ai mà hạch sách tang gia cỗ bàn, nếu xét quả thực thì phải phạt 3đ,00. Ai có cha mẹ về già thì tùy ý mình sắp đặt các lễ nghi trong nhà: như tế Thành phục tế ngu v.v... những người nghèo không thể mời giáp, mời làng được

thì tùy ý nhờ bà con bạn hữu đưa vói nhau thôi"³⁸. *Hương ước làng Vĩnh Trụ* (Hà Nam), Điều 74, quy định về vấn đề tang lễ như sau: "Khi có ai chết thời trong hạn 3 ngày phải đem mai táng, nếu chết vì dịch bệnh phải đem chôn ngay trong ngày hôm chết. Người nào có việc hiếu mà nộp lệ kính dân thì chiết nạp là: Hạng nhất 15đ,00, hạng nhì 10đ,00, hạng ba 6đ,00, hạng tư là những người chỉ mời hàng giáp đi đưa ma nộp lệ dân là 3đ,00. Lễ viếng hạng nhất là 3đ,00, hạng nhì là 2đ,00, hạng 3 là 1đ,00"³⁹.

Lễ khánh điệu (Ban Tổ chức lễ tang) cũng được quy định khá chi tiết trong hương ước các làng Công giáo. Để tránh điều tiếng, những quy định này luôn thể hiện tính công bằng đối với giáo dân. Nghi lễ phúng viếng và tống tiễn sẽ phụ thuộc vào tiền mà gia đình đóng theo từng hạng đã được quy định. *Hương ước ấp Thuỷ Nhai* (Nam Định), từ Điều 116 đến Điều 118 quy định: "Khi có người vọng ở 5 hạng trên thì dẫu trích 1/5 để sửa lễ phúng, còn thì sung quỹ công. Khi đi phúng thì người vọng hạng nhất thì làng cử những người đã có vị thế từ hạng nhất đến hạng ba, mỗi hạng 3 người; khi người vọng hạng nhì thì làng cử những người có vị thế từ hạng hai trở xuống... nhà chủ bất cứ đã nộp lệ hạng nào chỉ phải tiếp người đi đưa cùng phu phen bằng giầu nước thôi, không phải com rượu"⁴⁰.

4.3. Vấn đề gìn giữ phong hoá

Gìn giữ phong hoá trong làng xã là việc không thể thiếu đối với làng Việt truyền thống. Đối với làng Công giáo, nội dung này càng trở nên cần thiết, bởi nó sẽ góp phần vào việc xây dựng khối đoàn kết lương giáo. Những quy ước đó giúp mỗi người dân tự kiểm soát được hành động của chính mình, đồng thời đề cao lối sống trách nhiệm với xóm giềng, đoàn kết cộng đồng làng xã. Các Điều từ 94 đến 99, *Hương ước làng Xâm Bồ* (Hải Phòng), quy ước: "Làng có kẻ hay, người dở làm 2 quyển sổ, một quyển bì vàng, một quyển bì xanh để ghi lại hạnh kiểm sự hành động. Quyển bì vàng ghi những người trung hiếu, tiết nghĩa, người làm nên sự nghiệp to tát, người giúp công giúp của cho làng và nhà nước cùng tất cả những người nào có danh tiếng tốt. Quyển bì xanh ghi những người bất nghĩa, bất hiếu, người làm mất sự công ích của xã hội cùng tất cả những hạnh kiểm xấu. Trong làng người nào đến 70 tuổi làng biếu 1 cái áo lụa giá 5đ,00, 80 tuổi biếu cái áo vóc giá 10đ,00, 90 tuổi, 100 tuổi làng mừng thọ 10đ,00 để mua bộ thọ đường... Trong làng người nào thi đỗ tân học trung đẳng làng thưởng 3đ,00, cao đẳng thưởng 6đ,00"⁴¹.

Vấn đề phong hoá còn thể hiện trong tình hiếu thảo của con cái với cha mẹ, sự tôn trọng giới nữ ở những làng Công giáo. Điều 109 và 110, Khoản 18, *Hương ước làng Phú Nhai* (Nam Định) quy định rõ: "Người nào trong làng tình cảnh không phải vất vả mà để ông bà, cha mẹ rách rưới, khổ sở, Hương hội sẽ cho tìm con cháu ra khuyên bảo, nếu không tuân sẽ cho là tội bất hiếu, Hương hội sẽ phạt

truất ngôi thứ cho đến khi biết hối cải. Người nào trêu ghẹo đàn bà con gái và có chứng cứ chắc chắn phân minh thì phạt từ 0đ,50 đến 1đ,00, tái phạm sẽ phải truất ngôi thứ tự từ 6 tháng đến 3 năm"⁴².

Nội dung một số hương ước làng lương - giáo còn có những quy định nhằm tạo sự công bằng trong đời sống cộng đồng dân cư làng xôi đỗ. Điều 57, *Hương ước làng Xâm Bô* (Hải Phòng) nêu rõ: "Ai là người ở bên lương mà làm tổn hại của công bên giáo hay là người bên giáo làm tổn hại của công bên lương thì hội đồng phải lập biên bản trình quan và bắt phạt". Điều 79 còn quy định: "Tự nay trở đi tiền cheo phải nộp vào công quỹ, lương - giáo hợp nhất mà chia làm 4 hạng, giai làng lấy 1đ,00, giai hàng tổng 2đ,00, hàng huyện 3đ,00, biệt hạt 4đ,00. Các khoản tiền cheo ấy, lương - giáo hợp chung để chi công việc công xã"⁴³.

Tính công bằng còn được thể hiện trong việc chia ruộng công của làng lương - giáo. Điều 110, *Hương ước làng Quảng Bá* (Hà Nội) quy định: "Bên lương 204 suất, ruộng hương đăng miễn 12 mẫu, 4 sào để chu liệu chi các lễ và sửa sang việc đình. Bên giáo 18 suất ruộng đất đăng lập 1 mẫu, 1 sào để chu liệu chi các lễ. Cứ hết 6 năm, lương, giáo đôi bên chiếu suất chia lại một lần đều xong, không ai được hơn kém gì cả"⁴⁴.

Kết luận

Có thể nói, nội dung các bản hương ước đã góp phần phác họa bức tranh sinh động về đời sống đạo phong phú và đa dạng của tín đồ Công giáo vùng Đồng bằng sông Hồng. Làng Công giáo Việt Nam được xây dựng trên cơ sở làng Việt, bởi vậy ngoài những quy định chung, nó còn có một số nét đặc thù, phản ánh được đời sống đạo của người Công giáo. Những lễ vật không tốn kém dùng trong các lễ nghi Công giáo như dầu, nến; sự chi phí tiết kiệm cho ẩm thực trong các ngày thánh lễ; các quy định tiến bộ trong hôn nhân; việc chú trọng phong hoá... là những điều mà người ngoại đạo cần học tập.

Bên cạnh những ưu điểm trên, trong đời sống tôn giáo của người dân vùng Đồng bằng sông Hồng cũng bộc lộ một số nhược điểm tất yếu. Làng Công giáo với tính cô lập, nên khó hoà nhập với làng lương ở một số phương diện của đời sống văn hoá xã hội. Khi nhận định về đường hướng sống đạo của người Công giáo Việt Nam, Hà Huy Tú có viết: "Sống đạo đích thực là phải biết dần thân phục vụ gia đình nhân loại, biết lao động sáng tạo để cống hiến cho xã hội những lợi ích từ "những nén bạc Chúa ban", biết cùng đồng loại giải quyết những mâu thuẫn, những trần trở, những đòi hỏi thường xuyên đặt ra trong cuộc sống hằng ngày, hoà nhập với mọi người bằng tình cảm chân thành, bằng con tim "Khiêm tốn và hiền lành" của Đức Kitô"⁴⁵.

Cuộc sống ngày nay đòi hỏi người dân Việt Nam phải có những đóng góp hữu ích cho xã hội. Thực tế cho thấy, người Công giáo đã có sự hội nhập với văn hoá truyền thống dân tộc. Trong quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay, đồng bào giáo dân cần kế thừa và phát huy những giá trị nhân văn tích cực của hương ước, đồng thời đấu tranh phê phán đẩy lùi những hủ tục cản trở sự phát triển của làng Công giáo.

CHÚ THÍCH

- ¹ Hiện nay, các văn bản hương ước (HU) cải lương đang được lưu trữ tại Viện Thông tin Khoa học Xã hội Việt Nam. Để tiện cho việc theo dõi, chúng tôi giữ nguyên tên làng theo địa danh cũ, còn các tỉnh, thành được trình bày theo danh mục như hiện nay. Theo *Niên giám thống kê năm 2006*, trang 21, của Tổng cục Thống kê, vùng đồng bằng sông Hồng bao gồm 11 tỉnh, thành: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Tây, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình.
- ² Xem thêm: Nguyễn Thị Quế Hương, *Đời sống tín ngưỡng tôn giáo của người Việt vùng đồng bằng sông Hồng qua hương ước*: Luận văn Thạc sỹ, Hà Nội, 2006, tr.35-40.
- ³ Nguyễn Thanh Xuân, *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, NXB Tôn giáo, Hà Nội 2007, tr.204.
- ⁴ Nguyễn Phú Lợi, *Tìm hiểu tổ chức Giáo hội Công giáo cơ sở ở địa phận Phát Diệm, tỉnh Ninh Bình* (Luận văn Thạc sỹ), Hà Nội, 2001, tr.14.
- ⁵ Đặng Chí San, *Vài nét phác về làng và giáo xứ làng*, nguyệt san Công giáo và Dân tộc, số 42, 1998, tr.50.
- ⁶ Trần Tam Tĩnh, *Thập giá và lưỡi gươm*, NXB Trẻ, 1975, tr.54.
- ⁷ Nguyễn Hồng Dương, *Làng Công giáo Lưu Phương (Ninh Bình) từ năm 1829 đến năm 1945*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997, tr.214.
- ⁸ *Hương ước làng Thượng Lao, Nam Trực, Nam Định*, Ký hiệu HU 2241.
- ⁹ *Hương ước làng Hạ Linh, Xuân Trường, Nam Định*, Ký hiệu số HU 4220.
- ¹⁰ Nguyễn Hồng Dương, *Hương ước làng Công giáo vùng châu thổ sông Hồng nửa đầu thế kỷ XX*, tạp chí Dân tộc học, số 5/2004, tr.19-24.
- ¹¹ Nguyễn Hồng Dương, *Đời sống đạo của tín đồ Công giáo qua văn bia và hương ước vùng đồng bằng Bắc Bộ đến cuối nửa thế kỷ XX*, tr.45-69, trong: Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Sống đạo theo cung cách Việt Nam*, NXB Tôn giáo, Hà Nội, tr.46-48.
- ¹² Nguyễn Thanh Xuân, *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, sđd, tr.178.
- ¹³ Tuần Thánh: Tuần trước Lễ Phục sinh từ Chúa Nhật thương khó (hay Chúa nhật Lễ Lá) cho đến hết thứ bảy Tuần Thánh. Trong tuần này, Giáo hội Công giáo tưởng nhớ cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu. Xem: Nguyễn Hồng Dương, *Làng Công giáo Lưu Phương*, sđd, tr.171, tr.174.
- ¹⁴ *Hương ước làng Vĩnh Trụ, Lý Nhân, Hà Nam*, Ký hiệu số HU 782.

- 15 Nguyễn Hồng Dương, *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hoá Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2001, tr.170.
- 16 *Hương ước ấp Thuỷ Nhai, Giao Thuỷ, Nam Định*, Ký hiệu số HU 2012.
- 17 *Hương ước làng Mỹ Đình, Duyên Hà, Thái Bình*, Ký hiệu số HU 2879.
- 18 Nguyễn Hồng Dương, *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hoá Việt Nam*, sđd, tr.198.
- 19 *Hương ước làng Phú Nhai, Xuân Trường, Nam Định*, Ký hiệu số HU 4232.
- 20 *Hương ước làng Lưu Phương, Kim Sơn, Ninh Bình*, Ký hiệu số HU 4623.
- 21 *Hương ước làng Vĩnh Trị, Nghĩa Hưng, Nam Định*, Ký hiệu số HU 3528.
- 22 Hà Huy Tú, *Tìm hiểu nét đẹp văn hoá Thiên Chúa giáo*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2002, tr.29-32.
- 23 *Hương ước làng Hoà Mạc, Duy Tiên, Hà Nam*, Ký hiệu số HU 718.
- 24 *Hương ước ấp Sa Châu, Nam Định*, tldd.
- 25 *Hương ước làng Ninh Phú, Thanh Liêm, Hà Nam*, Ký hiệu số HU 845.
- 26 *Hương ước làng Nam Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng*, Ký hiệu số HU 1711.
- 27 *Hương ước làng Thượng Lao, Nam Trực, Nam Định*, Ký hiệu số HU 2241.
- 28 *Hương ước làng Văn Giáo, Nghĩa Hưng, Nam Định*, Ký hiệu số HU 2367.
- 29 *Hương ước làng Túc Mặc, Mỹ Lộc, Nam Định*, Ký hiệu số HU 2179.
- 30 *Hương ước làng Xuân Hoà, Tiên Lãng, Hải Phòng*, Ký hiệu số HU 4072.
- 31 *Hương ước làng Ngọc Cục, Xuân Trường, Nam Định*, Ký hiệu số HU 4229.
- 32 Nguyễn Thanh Xuân, *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, sđd, tr.176-177.
- 33 *Hương ước làng Đông Xuyên Ngoại, Tiên Lãng, Hải Phòng*, Ký hiệu số HU 4030.
- 34 *Hương ước làng Vĩnh Trị, Nam Định*, tldd.
- 35 *Hương ước làng Nam Am, Hải Phòng*, tldd.
- 36 *Hương ước làng Đức Trai, Cẩm Giàng, Hải Dương*, Ký hiệu số HU 962.
- 37 Nguyễn Hồng Dương, *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hoá Việt Nam*, sđd, tr.221-227.
- 38 *Hương ước làng Đức Trai, Hải Dương*, tldd.
- 39 *Hương ước làng Vĩnh Trụ, Hà Nam*, tldd.
- 40 *Hương ước ấp Thuỷ Nhai, Nam Định*, tldd.
- 41 *Hương ước làng Xâm Bô, Hải An, Hải Phòng*, Ký hiệu số HU 4016.
- 42 *Hương ước làng Phú Nhai, Nam Định*, tldd.
- 43 *Hương ước làng Xâm Bô, Hải Phòng*, tldd.
- 44 *Hương ước làng Quảng Bá, Hà Nội*, Ký hiệu số HU 877.
- 45 Hà Huy Tú, *Tìm hiểu nét đẹp văn hoá Thiên Chúa giáo*, sđd, tr.33.